

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 09 – 6 – 2020  
V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Xuân Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Chuyết;

Ông Phạm Hồng Thái;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “xin ly hôn và tranh chấp con chung” giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H, Sinh năm: 1987; Nơi ĐKKHKT: Xóm 13, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú hiện nay: Đội 19, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, Sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT: Xóm 13, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định; Hiện anh Nguyễn Văn T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: chị H có mặt, anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 07/8/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, không trách nhiệm với gia đình và nghiện ma túy. Đến năm

2017 anh T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xử phạt 5 năm 6 tháng tù. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị H xác định tình cảm không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung, tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/9/2014, hiện hai cháu đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng sau ly hôn được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản, khoản nợ nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với anh T. Về con chung chị H có nguyện vọng được hai nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị H đối với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, giao chị H được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/9/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản và các vấn đề khác không có, không đề cập giải quyết. Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa - Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trước khi chấp hành án phạt tù, cư trú tại xóm 13, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành làm các thủ tục thông báo thụ lý và có công văn ủy thác cho Trại giam Thanh Lâm giao thông báo thụ lý và hướng dẫn anh T có ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp lời khai nhưng anh T không hợp tác, không có ý kiến gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn và không trách nhiệm với gia đình, đến năm 2015 anh T nghiện ma túy và đến năm 2017 thì bị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị H xác định tình cảm không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, như vậy là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị H và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/9/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị H. Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, giao chị H được quyền nuôi dưỡng hai con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản và các vấn đề khác không có, HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên :*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Xử cho chị Mai Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị H được quyền nuôi dưỡng hai con chung là tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2011 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/9/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Chị H phải nộp án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/05126 ngày

14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh (Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự; có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản
- VKSND huyện Trục Ninh: 2 bản
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh: 1 bản
- UBND xã : 1 bản.
- Trại giam Thanh Lâm.
- Đương sự: 2 bản
- Lưu HSVA; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Mai Xuân Mạnh**